

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung và nợ chung*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Bách Tùng và bà Dương Thị Bình

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và nợ chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST- DS ngày 12/01/2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị Huỳnh T**, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 95, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn H (Nguyễn Quốc H)**, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 29 đường V, tổ 95, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1957; địa chỉ: 62/37 đường N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

*Tất cả các đương sự đều có mặt*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 19/10/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Ngô Thị Huỳnh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông H đi đến hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chúng tôi chung sống tại địa chỉ: Tổ 23C (cũ), nay là tổ 95, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến khoảng tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng tôi có quan hệ bất chính bên ngoài (*có hình ảnh kèm theo*), không lo tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình mà ngược lại còn gây gổ, đánh đập vợ, con. Mặc dù chồng có quan hệ bất chính bên ngoài nhưng tôi không yêu cầu xử lý hình sự, vì nghĩ đến hạnh phúc gia đình nên tôi bỏ qua nhưng chồng tôi vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định tình cảm của tôi đối với chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng là ông Nguyễn Quốc H.

- Về con chung: Tôi xác định giữa tôi và ông H có 01 con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/10/2010. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tôi xác định giữa tôi và ông H có tài sản chung như sau: 01 ngôi nhà và các vật dụng sinh hoạt khác trên đất tại địa chỉ: Số 29 đường V, tổ 95, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Nhà và các vật dụng sinh hoạt khác có giá trị khoảng 700.000.000 đồng.*

Ly hôn, tôi đề nghị được chia  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung của vợ chồng. Tôi nhận khoảng 350.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Tôi xác định giữa tôi và ông H có nợ của:

+ Bà Huỳnh Thị C số tiền: 51.000.000 đồng (*Năm mươi một triệu*);

+ Bà Trần Thị P: 07 (*Bảy*) chỉ vàng 98K.

Ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn như sau:

- Rút yêu cầu chia tài sản chung là 01 ngôi nhà và các vật dụng sinh hoạt khác trên đất tại địa chỉ: Số 29 đường V, tổ 95, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Rút yêu cầu nợ chung 07 chỉ vàng của bà Trần Thị P.

**\* Tại bản tự khai ngày 09/11/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn H (Nguyễn Quốc H) trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất như lời trình bày của vợ tôi về thời gian và điều kiện kết hôn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn không có gì đáng kể. Nay vợ tôi muốn ly hôn, tôi không đồng ý. Mong muốn vợ suy nghĩ lại để đoàn tụ với gia đình, cùng nhau lo cho con cái.

- Về con chung: Tôi xác định giữa tôi và bà T có 01 con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/10/2010.

Nếu Ly hôn, tôi đồng ý giao con chung cho vợ trực tiếp nuôi dưỡng, tôi cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tôi xác định giữa tôi và bà T không có.

Nếu phải ly hôn, tôi sẽ hỗ trợ cho bà T số tiền: 100.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Tôi xác định giữa tôi và bà T có nợ của bà Huỳnh Thị C số tiền 51 triệu đồng.

Nếu phải ly hôn, tôi cam đoan chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho bà C. Riêng số nợ 07 chỉ vàng (98K) của bà Trần Thị P tôi không biết.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C trình bày:**

Vào khoảng giữa năm 2011, tôi có cho vợ chồng T – H mượn số tiền 40 triệu đồng để kinh doanh nước ngọt. Sau đó đến khoảng tháng 11/2018, vợ chồng T – H tiếp tục mượn của tôi số tiền 11 triệu đồng để làm nhà. Tổng số tiền vợ chồng T – H nợ tôi là 51 triệu đồng. Nay vợ chồng T – H ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được nhận lại số tiền trên. Tôi không có yêu cầu độc lập.

\* Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư lý, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Nguyên đơn bà T chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn ông H không tham gia tố tụng đầy đủ tại Tòa án là chưa chấp hành đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng.

\* Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Huỳnh T đối với ông Nguyễn H.

Về con chung: Giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không đề cập đến.

Về số tiền hỗ trợ: Không đề cập đến.

Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền 51.000.000 đồng (*Năm mươi một triệu đồng*).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Ngô Thị Huỳnh T và ông Nguyễn H (Nguyễn Quốc H) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Ông Nguyễn H (Nguyễn Quốc H) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

**[2]. Về nội dung vụ án:**

[2.1]. Bà Ngô Thị Huỳnh T và ông Nguyễn H (Nguyễn Quốc H) xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T là do ông H có quan hệ bất chính bên ngoài (*có hình ảnh kèm theo*), không lo tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình mà ngược lại còn gây gổ, đánh đập vợ, con. Mặc dù ông H có quan hệ bất chính bên ngoài nhưng bà không yêu cầu xử lý hình sự, vì nghĩ đến hạnh phúc gia đình nên bà bỏ qua nhưng ông H vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không có kết quả. Nay bà T xác định tình cảm của bà đối với ông H không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng là ông Nguyễn H (Nguyễn Quốc H).

Còn ông H cho rằng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là không đáng kể nên không đồng ý ly hôn và ông mong muốn bà T suy nghĩ lại để đoàn tụ với gia đình, cùng nhau lo cho con cái.

HĐXX xét yêu cầu đoàn tụ của ông H thì thấy: Ngoài những mâu thuẫn vợ chồng như bà T trình bày, qua xác minh tại địa phương ngày 03/11/2020 thể hiện, hiện tại bà T cùng con về nhà mẹ ruột bà T sinh sống từ cuối năm 2019 đến nay. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông H mà cần vận dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H là thỏa đáng. Còn ông H đã

được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến, nên cần vận dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông H có 01 con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/10/2010. Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Hiện nay cháu T đang ở với mẹ, cuộc sống diễn ra bình thường từ trước đến nay, nên việc giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cho cháu T về điều kiện vật chất cũng như tinh thần và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T là muốn được ở cùng với mẹ. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của bà T.

[2.3]. Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà T thì thấy: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi nếu phải ly hôn. Do đó, việc buộc ông H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của bà T là có cơ sở. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.4]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Do đó đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Ngô Thị Huỳnh T đối với ông Nguyễn H.

[2.5]. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, ông H tự nguyện hỗ trợ bà T số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) nếu ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông H vắng mặt nên không thể ghi nhận việc hỗ trợ của ông H, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, bà T cũng không có yêu cầu được nhận số tiền hỗ trợ 100.000.000 đồng từ ông H. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.6]. Về nợ chung: Bà T và ông H xác định có nợ bà Huỳnh Thị C số tiền 51.000.000 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết, ông H đề nghị tự chịu trách

nhệm trả số tiền trên cho bà C. HĐXX xét thấy, yêu cầu của ông H không trái với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.7]. Đối với số vàng nợ của bà Trần Thị P 07 chỉ vàng 98, trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị P không yêu cầu bà Ngô Thị Huỳnh T và ông Nguyễn H phải trả cho bà 07 chỉ vàng 98 trong vụ án này mà sau này bà P sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác. Đồng thời, cùng ngày nguyên đơn bà Ngô Thị Huỳnh T cũng có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ của bà P. Do đó đình chỉ yêu cầu về nợ chung giữa bà Ngô Thị Huỳnh T đối với ông Nguyễn H.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn lại cho bà T số tiền 8.750.000 đồng đã nộp 9.050.000 tại biên lai thu số 6359 ngày 02/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

[3.2]. Ông Nguyễn H (Nguyễn Quốc H) phải chịu án phí DS-ST (về cấp dưỡng nuôi con): 300.000 đồng và 2.550.000 đồng án phí DS-ST (về nợ chung).

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ:**

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 290; 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và nợ chung*" của bà Ngô Thị Huỳnh T đối với ông Nguyễn H (Nguyễn Quốc H).

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Ngô Thị Huỳnh T được ly hôn ông Nguyễn H (Nguyễn Quốc H).

*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ngô Thị Huỳnh T đối với ông Nguyễn H (Nguyễn Quốc H) nên giấy chứng nhận kết hôn số 16 do UBND phường N cấp ngày 01/3/2010 không còn giá trị pháp lý.*

**2. Về con chung:** Giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/10/2010 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung:** Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Ngô Thị Huỳnh T đối với ông Nguyễn H.

**4. Về nợ chung:** Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn H về việc trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền 51.000.000 đồng (*Năm mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

**5. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Huỳnh T như sau:**

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung là 01 ngôi nhà và các vật dụng sinh hoạt khác trên đất tại địa chỉ: Số 29 đường V, tổ 95, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết nợ chung của bà Trần Thị P.

**6. Về án phí:**

- Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng bà T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.050.000 đồng theo biên lai thu số 6359 ngày



02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà T được hoàn lại số tiền 8.750.000 đồng đồng (*Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

- Án phí DS-ST: Ông Nguyễn H (Nguyễn Quốc H) phải chịu: 2.850.000 đồng (*Hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*). Trong đó: án phí DS-ST (về cấp dưỡng nuôi con): 300.000 đồng và 2.550.000 đồng án phí DS-ST (về nợ chung).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Đông Thanh**





**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**